

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 6-9-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngoan

2. Bà Nguyễn Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bà P, Ông V vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 7 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và Ông Nguyễn Quốc V tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc bình

thường, thời gian gần đây hay cãi vã do anh Việt ghen tuông vô cớ, nhiều lần chửi bới sỉ nhục, khó khăn với bà. Mâu thuẫn vợ chồng chỉ trong nhà biết, không báo chính quyền địa phương. Ông V yêu cầu bà làm đơn ly hôn nhiều lần nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông V.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Quốc C, sinh năm 1998 và Nguyễn Quốc K, sinh năm 2003. Con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Ông Nguyễn Quốc V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chúng tôi chung sống và đăng ký kết hôn như Bà P trình bày là đúng. Riêng về mâu thuẫn vợ chồng theo Ông V thì vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Ông đi làm ăn xa lâu lâu mới về nhà, vợ mở quán cà phê nên ông ghen tuông, lúc nóng giận có chửi bới vợ nặng lời. Ông nói vợ làm đơn ly hôn để ông lên ký đơn, nhưng chỉ hù vợ chứ thực sự không muốn ly hôn vì còn thương vợ con. Vợ nói ông phải thay đổi tính cách thì vợ chồng mới sống chung được tiếp, nhưng ông thấy không sai gì, không cò bạc, gái gú hay bỏ bê vợ con. Từ khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra vợ không muốn hòa giải, ông không tâm sự với vợ được nên không có cách nào khác để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Mỗi khi nói chuyện vợ lại gắt gỏng nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay Ông V kiên quyết không đồng ý ly hôn, nếu vợ muốn ly hôn thì tự làm đơn phương.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Thống nhất như vợ trình bày, không bổ sung thêm.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị P đối với Ông Nguyễn Quốc V.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Quốc C, sinh năm 1998 và Nguyễn Quốc K, sinh năm 2003. Con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P, Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Bà P phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị P và Ông Nguyễn Quốc V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với Bà P, Ông V là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và Ông Nguyễn Quốc V tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, thời gian gần đây hay cãi vã do Ông V ghen tuông vô cớ, nhiều lần chửi bới sỉ nhục, khó khăn với bà. Mậu thuẫn vợ chồng chỉ trong nhà biết, không báo chính quyền địa phương. Ông V yêu cầu ly hôn với bà nhiều lần nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông V.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Bà P, Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng chung sống cần có sự gần nhau, chia sẻ, đồng cảm, quan tâm chăm sóc, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau và cùng có trách nhiệm với gia đình, con cái. Trong mối quan hệ vợ chồng của Bà P, Ông V không còn sự chia sẻ và đồng cảm, Ông V không tin tưởng Bà P, luôn có sự hoài nghi đối với bà nên khó khăn trong cuộc sống hàng ngày, tình cảm không còn, không hạnh phúc, ông bà sống không gần nhau nên tình cảm vợ chồng khó hàn gắn được. Hiện Bà P không còn tình cảm với chồng, không thương yêu nhau nên yêu cầu xin ly hôn của Bà P là có căn cứ chấp nhận.

Ông V cho rằng do thương vợ nên hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Lúc nóng giận có chửi vợ nặng nề và yêu cầu vợ làm đơn ly hôn nhưng cũng chỉ hù vợ thôi, thật sự ông còn thương vợ nhiều, không đồng ý ly hôn. Lời trình bày của Ông V chứng tỏ ông đã làm cho vợ ông là Bà P bị tổn thương nhiều lần, tình cảm dần mất đi không thể bù đắp được. Hiện tại Bà P đã không còn tình cảm vợ chồng với Ông V nên có chung sống cũng không vun đắp được hạnh phúc nên không chấp nhận lời trình bày của Ông V xin đoàn tụ.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Quốc C, sinh năm 1998 và Nguyễn Quốc K, sinh năm 2003. Con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P, Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà P phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 146, 147, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị P đối với Ông Nguyễn Quốc V. Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với Ông Nguyễn Quốc V.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Quốc C, sinh năm 1998 và Nguyễn Quốc K, sinh năm 2003. Con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Bà P, Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017624 ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh, Bà P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cái Thị Minh Tâm